

PHÁT HUY TÍNH TÍCH CỰC CỦA NGƯỜI HỌC TIẾNG NGA NGOÀI MÔI TRƯỜNG NGÔN NGỮ

Đỗ Thị Nhung *

Tóm tắt: Bài viết phân tích các yếu tố khi dạy ngoại ngữ ngoài môi trường ngôn ngữ, những khó khăn về mặt tâm lý trong giao tiếp, qua đó, đề xuất các giải pháp khắc phục những khó khăn, cũng như phát huy tính tích cực của sinh viên học tiếng Nga.

Từ khoá: Người học, tính tích cực, tiếng Nga, môi trường ngôn ngữ.

Summary: The article analyzes the factors when teaching a foreign language outside the language environment, the psychological difficulties in communication, thereby, proposes solutions to overcome the difficulties, as well as promote the positive feature of students learning Russian.

Keywords: Learners, positivity, russian language, language environment.

Bản chất việc học ngoại ngữ phải là một quá trình tổ chức cho người học nắm vững ngôn ngữ để giao tiếp và nhận thức. Nếu sự quyết tâm là điều kiện cần để học ngoại ngữ thành công thì môi trường học và tâm lý chính là điều kiện đủ để phát triển ngôn ngữ hiệu quả, nhanh chóng và đơn giản nhất có thể.

1. Khó khăn do môi trường ngoài ngôn ngữ

Nhìn chung, tiếng Nga khó, nếu so sánh với các ngôn ngữ khác, đặc biệt là về cấu trúc ngữ pháp, đặc điểm ngữ âm, sự khác biệt về văn phong. Ngoài ra, việc học tiếng Nga ở một đất nước khác, cụ thể như Việt Nam, thì lại càng khó hơn, do ở ngoài môi trường ngôn ngữ, thực tế không có phim tiếng Nga, không có âm nhạc, thiếu quan hệ giao tiếp với người bản xứ,... Và, nếu một sinh viên (không phải bất cứ ai quan tâm đến nước Nga)

phải lên Internet và tự tìm kiếm thứ gì đó, thì kết quả sẽ không khả quan. Sinh viên học tiếng Nga ngoài môi trường ngôn ngữ không có cơ hội giao lưu với giảng viên - người bản ngữ. Khi học tiếng Nga, số lượng sinh viên trong mỗi nhóm thường là 20-30 em. Theo tiêu chuẩn, thì mỗi nhóm chỉ nên có từ 8 đến 10 sinh viên. Nếu số giảng viên dạy tiếng Nga, lại thiếu, mỗi người phải dạy 2-3 nhóm, thì kết quả ra sao, mọi người đều rõ.

Có ba vấn đề chính của giảng dạy ngoại ngữ trong môi trường phi ngôn ngữ: *một là*, kinh nghiệm thực tiễn của giảng viên; *hai là*, chương trình học và sách giáo khoa; *ba là*, phương pháp giảng dạy. Hãy xem xét từng vấn đề một cách chi tiết hơn.

Như đã biết, giảng viên có vai trò to lớn. Khả năng sử dụng phương pháp mới, công nghệ dạy học mới của giảng

* Trường ĐH KD&CN Hà Nội

viên phụ thuộc vào mục tiêu và điều kiện học tập. Giảng viên dạy tiếng Nga phải có những yêu cầu sau: họ không những phải có trình độ chuyên môn mà còn phải có kỹ năng về phương pháp luận, phát triển khả năng của sinh viên, có tính đến đặc điểm tâm lý và dân tộc của các em.

Một trong những thách thức mà giảng viên làm việc ở ngoài nước Nga phải đối mặt là tạo ra các tình huống cho các giai đoạn và cấp độ học tập khác nhau trong thực tế giảng dạy. Ngoài ra, cần xác định mức độ hình thành năng lực giao tiếp. Khi giải quyết những vấn đề này, cần tính đến các yếu tố sau: động cơ học tiếng Nga, các lĩnh vực giao tiếp cần thiết cho người học tiếng Nga, vai trò giao tiếp xã hội của người giao tiếp, các loại đàm luận (xem các công trình của L.P. Klobukova, E.L. Korchanina và những người khác).

Đội ngũ giảng viên hiện nay ở các trường chủ yếu là các giảng viên trẻ, nhiều người trong số họ không có nhiều cơ hội giao tiếp với người bản xứ hoặc đến đất nước của ngôn ngữ đang giảng dạy. Những người khác, mặc dù được sống và học tập ở Nga, nhưng từ lâu đã không sử dụng tiếng Nga trong cuộc sống thường nhật.

Thực tế cho thấy phản ứng bằng lời nói trực tiếp từ giảng viên đang dẫn dắt bài học là rất quan trọng trong dạy đối thoại. Ở ngoài môi trường ngôn ngữ, lời nói của giảng viên là một hình mẫu về âm thanh của giọng nói tiếng nước ngoài, do tình huống thực tế tạo ra và là phản ứng tự nhiên trước tình huống cuộc sống. Tất nhiên, lựa chọn lý tưởng để tạo giao

tiếp ngoại ngữ trong điều kiện giảng dạy không phải là phản ứng im lặng của sinh viên đối với lời nói của giảng viên, mà là phản ứng nói, trả lời hoàn chỉnh trước tình huống giao tiếp tự nhiên. Vì vậy, phải xây dựng không chỉ kiểu mẫu của tình huống giao tiếp, lời nói cụ thể, mà còn kiểu mẫu của “môi trường lời nói”, khi sự lựa chọn giữa ngôn ngữ mẹ đẻ và ngoại ngữ để diễn đạt bằng lời một câu nói có ý nghĩa đối với sinh viên sẽ được ưu tiên cho ngôn ngữ sau vì tính chất đơn giản, quen thuộc và do vậy, mang tính tối ưu.

Hiện nay, việc sử dụng các phương tiện kỹ thuật trong việc dạy tiếng Nga là rất quan trọng, cho phép tối ưu hóa quá trình giảng dạy.

Sách giáo khoa được sử dụng trong giảng dạy tiếng Nga bên ngoài môi trường ngôn ngữ phải được coi là công cụ giáo dục chính, trong đó áp dụng các công nghệ giảng dạy hiện đại và dựa trên các nguyên tắc của phương pháp luận theo định hướng dân tộc học. Cũng không có các công trình chung của các học giả Nga và Việt về biên soạn sách giáo khoa. Việc này đã không được tiến hành trong một thời gian dài từ những năm 90 của thế kỷ trước. Còn nếu sách giáo khoa do một giảng viên Việt Nam viết, sẽ vẫn không được như một cuốn sách giáo khoa do người bản ngữ viết. Còn nếu người bản ngữ viết sách cho người Việt Nam học, thì do không hiểu hết những nét đặc trưng về văn hóa người Việt, nên sách giáo khoa này sẽ chưa phải là thứ người ta muốn xem. Điều này đã diễn ra trong một thời gian dài, nhưng vẫn chưa được quan tâm, nên cho đến nay vẫn chưa có

sách giáo khoa hay giáo trình như mong muốn. Ngoài ra, từ lâu ở Việt Nam không có chuyên gia người Nga nào chuyên nghiên cứu về tiếng Nga có thể ở lại làm việc lâu hơn, dù là 6 tháng, một năm, để có thể đi sâu tìm hiểu những đặc thù của tất cả các trường đại học và phổ thông có dạy tiếng Nga trong thời gian này.

Nhiều chương trình, sách giáo khoa tiếng Nga hiện nay không đáp ứng được yêu cầu hiện đại. Đáng tiếc, các sách giáo khoa và sách hướng dẫn học tiếng Nga được sử dụng ở Việt Nam là những sách giáo khoa được xuất bản từ rất lâu rồi và không được viết riêng phù hợp cho người học Việt Nam.

Vì vậy, tài liệu giảng dạy cần có cả đặc điểm nổi bật của bất kỳ phương tiện dạy học nào và những đặc điểm cụ thể xác định mục tiêu và điều kiện dạy tiếng Nga trong môi trường phi ngôn ngữ.

2. Khó khăn về mặt tâm lý người học

Ở bậc phổ thông, học sinh chỉ tiếp thu kiến thức một cách thụ động, nhưng ở bậc đại học sinh viên phải tự tìm kiếm thông tin, phân tích, khái quát hóa những kiến thức thu được với sự trợ giúp của giảng viên. Sự thụ động của người học gây khó khăn cho quá trình làm chủ lời nói, hội thoại. Hơn nữa, sinh viên còn lúng túng khi tham gia các hoạt động nói. Vì sợ mắc lỗi trong giờ học nói, các em thường im lặng, nếu không có sự yêu cầu trực tiếp của giảng viên. Đây là rào cản tâm lý chung của những người nói ngoại ngữ (cụ thể là tiếng Nga). Ai cũng biết khó có thể nâng cao hiệu quả dạy học ngoại ngữ, nếu người học không tham gia tích cực vào quá trình nắm vững các kỹ năng và năng

lực ngoại ngữ trong hoạt động thực tiễn nói chung và trong hội thoại nói riêng. Các em chỉ sợ mắc lỗi, mắc lỗi ngay cả trong những từ và cụm từ đơn giản. Các em không hiểu rằng nhiều khi cũng cần và không thể tránh khỏi không mắc lỗi. Chúng giống như một tấm bản đồ chỉ cho người học cần đi đâu để đạt được kết quả tốt nhất. Đây là phần quan trọng nhất của quá trình học tập. Nếu sinh viên muốn học tốt một điều gì đó, các em phải mắc lỗi. Những sinh viên thành công nhất cũng không tránh khỏi mắc lỗi và chính các lỗi là thầy của các em. Điều này không có nghĩa là các em luôn cảm thấy bình tĩnh khi nói ngoại ngữ, nhưng các em đã cố gắng vượt qua sự không tự tin của mình, vì mong muốn được nói trôi chảy của các em mạnh hơn nỗi sợ hãi, sợ sai.

Ngoài ra, sau khi thi đỗ đại học, sinh viên cho rằng nên dành thời gian trong năm đầu tiên để “tận hưởng cuộc sống” ở trường đại học. Các em dường như đang “nghỉ ngơi”, không muốn học tập, mở rộng cơ hội học hành. Đối với các em, ngoại ngữ chỉ là một môn học trong chương trình học. Trên thực tế, một nền tảng ngoại ngữ tốt phụ thuộc vào động cơ học ngoại ngữ, chính điều này làm tăng khả năng nắm vững kiến thức và kỹ năng ngoại ngữ.

Môi trường ngoại ngữ là một cơ sở phát triển ngôn ngữ hữu hiệu giúp sinh viên ghi nhớ các kiến thức, thực hành từng kỹ năng một cách thành thạo. Rèn tiếng Nga mỗi ngày không chỉ giúp sinh viên hình thành thói quen ngôn ngữ, mà còn gia tăng sự ghi nhớ một cách tự nhiên – không học cũng nhớ – không biết

cũng dần quen. Hiểu rõ những khó khăn của việc học tiếng Nga ngoài môi trường ngôn ngữ, cũng như những ảnh hưởng của tâm lý gây cản trở trong giao tiếp ngoại ngữ, tác giả bài viết xin đề xuất các phương pháp phát huy tính tích cực của sinh viên trong hoàn cảnh này như sau:

Thứ nhất, tạo môi trường học ngôn ngữ

Một trong những điều kiện để phát triển lời nói hội thoại là tạo ra môi trường ngôn ngữ. Mục tiêu chính của mỗi bài học chính là sự trao đổi thông điệp có mục đích, tự nhiên giữa những người đối thoại.

Khi xây dựng bất kỳ bài học về dạy lời nói hội thoại, phải luôn nhớ cần tạo ra các tình huống giúp sớm đưa người học vào hoạt động lời nói theo nguyên tắc cơ bản của hoạt động giao tiếp.

Giảng viên thực hiện giao tiếp bằng tiếng Nga, tổ chức trò chơi cho sinh viên trong lớp, giới thiệu cho các em về các truyền thống khác nhau của nước Nga.

Cần tạo bầu không khí khuyến khích sử dụng tiếng Nga trong lớp học và nếu có thể, hãy gần giống với môi trường ngôn ngữ tự nhiên. Người học tiếng Nga như một ngoại ngữ nắm bắt và thành thạo tiếng trong môi trường ngôn ngữ nhân tạo. Điều đó có nghĩa là họ chỉ có cơ hội nghe và sử dụng tiếng Nga trong lớp học, trong giao tiếp với giảng viên và với các sinh viên khác. Do vậy, giảng viên sử dụng tiếng Nga làm phương tiện giao tiếp phải tạo ra không gian ngôn ngữ ngoại ngữ. Sinh viên thường tham gia tích cực vào các sự kiện liên quan đến tiếng Nga được tổ chức tại các trường đại học khác.

Cần nhấn mạnh rằng học nói một ngoại ngữ, ở đây cụ thể là tiếng Nga, không chỉ có nghĩa là học các từ và cụm từ, mà còn phải trau dồi thái độ đối với một nền văn hóa khác; làm quen với văn hóa ngoại ngữ, tức là với các phong tục, nền tảng văn hóa của một dân tộc khác (ngày lễ của họ, văn hóa dân gian, tác phẩm văn học, truyện cổ tích, trò chơi trẻ em,...). Điều đó có nghĩa là cần phải tạo ra một môi trường ngôn ngữ văn hóa để tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên việc làm quen với một nền văn hóa khác. Bằng cách tạo ra một môi trường như vậy trong lớp học, đảm bảo không chỉ truyền đạt kiến thức mới, mà còn so sánh văn hóa bản địa với nước ngoài, giúp sinh viên hiểu biết hơn về văn hóa của chính đất nước mình.

Với mục đích này, có thể tổ chức các ngày lễ và giải trí, tổ chức xem video và phim giáo dục (ví dụ: “Dan lam thắng cảnh của Maxkva”, phim hoạt hình: “Hãy đợi đấy!”, “Gấu và Masha”,...). Các hoạt động ngoại khóa cũng hiệu quả, ví dụ như cuộc thi: “Ai đọc thơ hay hơn?”, “Ai hát tiếng Nga hay hơn?” hay giải đố: “Bạn biết gì về các thành phố của Nga?”, “Bạn sẽ làm gì khi đến Nga?”, v.v.

Giảng viên tìm báo tường hoặc những câu chuyện cổ tích đơn giản bằng tiếng Nga, giúp sinh viên đọc hiểu. Hàng năm, tổ chức cho sinh viên các “Buổi dạ hội tiếng Nga”, trong đó các em biểu diễn hát các bài hát Nga, đọc thơ của các nhà thơ Nga nổi tiếng, các điệu múa dân gian Nga. Trong lớp học, sinh viên nên thực hiện các cuộc hội thoại theo các tình huống nhất định.

Thứ hai, tăng cường vai trò tích cực và hình thành động cơ học tập của sinh viên

Tất cả chúng ta đều biết rằng, nền giáo dục hiện đại cần tập trung vào sự phát triển nhận thức của người học; mỗi người học không chỉ cần có động cơ học tập, mà còn cần động lực để được học. Động lực là tổng hợp các động lực bên trong và bên ngoài khiến một người thực hiện hành động. Động cơ là thành phần quan trọng nhất trong cấu trúc của hoạt động lời nói, bởi vì “động cơ càng mạnh thì nhu cầu hoạt động lời nói càng lớn. Hoạt động của người học, khả năng hành động sáng tạo của anh ta phụ thuộc vào sức mạnh của động cơ” (1, tr.235).

Để thu hút người học vào bài học, cần cung cấp cho các em những tư liệu hấp dẫn về địa lý, văn học, mang tính chất trò chơi. Trong mỗi tiết học, sinh viên phải đảm bảo họ có thể sử dụng tiếng Nga như một phương tiện giao tiếp. Cần tạo ra và mở rộng trong tiết học những điều kiện để sinh viên có nhu cầu cấp thiết sử dụng tiếng Nga trong giao tiếp tự nhiên với nhau và với người khác. Cần thu hút sự chú ý của sinh viên vào chủ đề của cuộc trò chuyện, khơi dậy hứng thú với chủ đề, tạo thái độ tình cảm cần thiết cho cuộc trò chuyện sắp tới. Trong các giờ học, hãy biến nhàm chán trở nên thú vị và vui vẻ, khơi gợi sự sáng tạo. Sinh viên phải được tiếp cận với tài liệu ngôn ngữ dựa trên kiến thức các em đã thu được bằng tiếng Nga. Ngoài ra, để sinh viên có động cơ học tiếng Nga đúng đắn, cần bổ sung một số hoạt động ngoại khóa vào quá trình giáo dục sẽ giúp đa dạng hóa

hoạt động của cả sinh viên và giảng viên.

Khi rào cản tâm lý đối với những sinh viên không chuyên ngữ được gỡ bỏ, sự quan tâm đến tiếng Nga sẽ ngày càng phát triển. Và như vậy, làm thế nào để vượt qua nỗi sợ nói tiếng Nga? Người học sợ gì? Người ta cười nhạo các em hay chỉ là người khác không hiểu? Có thể các em chỉ sợ đã làm điều gì đó “sai sai”? Theo đó, các lỗi sai có thể được sửa chữa trong quá trình nói, trong khi một số lỗi chỉ có thể được sửa chữa sau khi sinh viên đã nói xong. Hãy cố gắng hiểu tại sao sinh viên lại sợ hãi. Hãy giúp các em vượt qua nỗi sợ hãi đó, từng bước cảm nhận được những thành công đầu tiên, tạo niềm tin với các em về bản thân và kiến thức của mình.

Sinh viên thường trở nên bối rối hoặc mất tự tin đến nỗi không thể thốt ra lời nào, nếu như các em không hiểu được ý người nói và khi các em phát hiện ra bạn mình cũng không hiểu được những điều các em đang nói. Khi đó các em sẽ thường lắng nghe một cách yên lặng và không nói gì trong khi các sinh viên khác đang nói.

Để giúp sinh viên có thể khắc phục được tính dè dặt, vượt qua được nỗi sợ mắc lỗi sai, giảng viên nên động viên các em biết rằng việc hiểu nhầm và nhu cầu cần làm sáng tỏ bất cứ vấn đề gì có thể xảy ra tại bất cứ thời điểm nào trong quá trình giao tiếp và xảy ra với các đối tượng giao tiếp ở mọi trình độ. Ngoài ra, giảng viên cũng cần cung cấp cho sinh viên các phương pháp và các cụm từ để các em sử dụng vào việc làm sáng tỏ ý của người nói và để đánh giá mức độ lĩnh

hội kiến thức của mình. Bằng cách kích lệ sinh viên sử dụng các cụm từ làm sáng tỏ khi có sự hiểu nhầm xảy ra trong quá trình giao tiếp, đồng thời có sự phản hồi tích cực của giảng viên đối với hoạt động của sinh viên, giảng viên có thể tạo ra môi trường giao tiếp thực sự trong phạm vi lớp học để sinh viên thực hành. Khi sinh viên hiểu rõ và sử dụng thành thạo nhiều cách nói làm sáng tỏ ý của mình, họ sẽ trở nên tự tin để có thể làm chủ các tình huống giao tiếp khác nhau diễn ra bên ngoài lớp học.

Mặt khác, để có thể kích lệ sinh viên tham gia thực sự vào hoạt động giao tiếp, giảng viên có thể hướng dẫn các em sử dụng cách trả lời đơn giản nhất và ngắn gọn hết mức có thể trong các tình huống giao tiếp khác nhau. Cách trả lời này đặc biệt phù hợp với người mới bắt đầu học tiếng Nga. Các phát ngôn được sử dụng thường là các cụm từ thông dụng, dễ hiểu (như да, нет, ладно, правда, неясно, неизвестно, с удовольствием,...) để chỉ sự hiểu biết, hay đồng ý, nghi ngờ, hoặc làm gián đoạn người nói để làm chủ tình huống giao tiếp.

Như vậy, nếu người học tích lũy được nhiều cách đáp lại ngắn gọn và đơn giản như trên thì họ có thể tập trung vào những gì mà người khác đang nói với họ, mà không phải vừa nghe vừa phải nghĩ cách phản hồi.

Khi sinh viên có yêu thích môn tiếng Nga thì các em sẽ dễ dàng vượt qua mọi khó khăn trong quá trình học tập. Như đã biết “dạy một ngôn ngữ, trước hết, có nghĩa là khơi dậy tình yêu với ngôn ngữ ... Và dĩ nhiên, điều này là có thể, chỉ khi

tình yêu ấy sưởi ấm trái tim của chính người thầy” (4, tr. 100). Được học với niềm đam mê là niềm hạnh phúc không chỉ của người học, mà còn của cả người thầy. Hoạt động của giảng viên đóng một vai trò quan trọng trong việc thay đổi thái độ của sinh viên đối với tiếng Nga. Tạo các tình huống học tập gần gũi với tự nhiên trong lớp học có vai trò quan trọng trong việc dạy không chỉ nói mà còn hiểu người đối thoại. Phương pháp dẫn nhập tình huống cũng làm sinh động bài học.

Nhiều sinh viên còn thụ động trong giờ học, không thể hiện được tính sáng tạo. Trong lớp học, các em thường thụ nhận kiến thức ở dạng sẵn. Có những sinh viên không muốn, và nhiều em không biết cách tự tiếp thu kiến thức. Khi tiến hành đàm thoại, giảng viên nên cố gắng đảm bảo rằng tất cả sinh viên đều là những người tham gia tích cực vào cuộc trò chuyện. Theo một số nhà phương pháp học, “để phát triển hoạt động và tính độc lập, cần đặt ra cho sinh viên nhiệm vụ nhận thức, logic rõ ràng của quá trình giáo dục, cho phép sinh viên tập trung sự chú ý của mình vào việc tìm kiếm độc lập, giải quyết một vấn đề cụ thể, để lĩnh hội các sự kiện cụ thể theo nghĩa khái quát hơn của chúng” (1, tr.93). Để làm được điều này, cần tuân thủ các quy tắc sau: đặt câu hỏi cho cả nhóm, sau đó gọi một sinh viên trả lời. Không nên hỏi sinh viên theo thứ tự ngồi. Điều này dẫn đến việc một số sinh viên sẽ nghỉ, không hoạt động: không thú vị gì khi xếp hàng ngồi chờ, khi biết mình phải chờ lâu mới được gọi. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp thu kiến thức của sinh viên, hình thành

kỹ năng diễn đạt vững vàng bằng các trò chơi dưới nhiều hình thức, được tổ chức vào sau các giờ học, khi sinh viên có thể chủ động sử dụng ngôn ngữ. Tại mỗi buổi học, mọi người đều có cơ hội chứng tỏ bản thân trong bầu không khí thành công và bộc lộ tiềm năng bên trong.

Để đạt được thành công, sinh viên cần được tham gia hoạt động ngoại khoá tiếng Nga, tham gia các hình thức giao tiếp trong tổ chức quá trình học tập, vượt qua rào cản tâm lý và lời nói trong quá

trình giao tiếp ngoại ngữ, thể hiện đúng quan điểm của mình khi thảo luận về bất kỳ vấn đề nào bằng tiếng Nga.

Có lẽ không ai có thể phủ nhận rằng giữa nhận thức và hành động còn có một khoảng cách rất xa. Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa giảng viên và sinh viên, cũng như có sự hợp tác chặt chẽ giữa các giảng viên cùng tham gia giảng dạy tiếng Nga tại trường để có thể thực hiện được từng bước trong lộ trình khắc phục các hiện trạng đã nêu ở trên./.

Tài liệu tham khảo

1. *Методика преподавания русского языка как иностранного*. МАПРЯЛ VII. - М.: Русский язык, 1990.
2. *Методические указания. К циклу лекций по спецкурсу: Методика преподавания русского языка как иностранного*. Донецк. 1985.
3. Мирлюбов А. А. *Методика обучения иностранным языкам: традиции и современность*. Обнинск, 2010.
4. Федотова Н. Л. (2013). *Методика преподавания русского языка как иностранного. Практический курс*. Издательство «Златоуст». М.
5. *Русский язык в играх*. Учебное пособие. Раздаточный материал. (Игровые методики).